

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày: 12-9-2024

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ và bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-DS, ngày 05/4/2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-DS ngày 06/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (tên viết tắt H4); Trụ sở: Số B N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Lê Duy K – Giám đốc chi nhánh H5 – Ngân hàng H6

(Văn bản uỷ quyền số 1489/2023/QĐ-TGD ngày 23/5/2023)

Đại diện theo uỷ quyền của ông K: Anh Đào Tuấn A, Đỗ Đức T1, Hồ Mạnh H, Trịnh Ngọc H1.

Địa chỉ nơi làm việc: Số B Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương

(Văn bản uỷ quyền số 0204/2024/TTXLNMB ngày 02/4/2024)

- *Bị đơn*: Anh Đào Bá T2, sinh năm 1988 và chị Trịnh Thị H2, sinh năm 1995;

Địa chỉ: KDC T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh Tuấn A, anh H đều có mặt. Ông T, ông K, anh T1, anh H1, anh T2, chị H2 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2024, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc, nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H6) trình bày:

Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H6) ký kết Hợp đồng tín dụng với anh Đào Bá T2, chị Nguyễn Thị H3, theo Hợp đồng tín dụng số 8583/23MB/HĐTD ngày 30/5/2023, và Khế ước nhận nợ số 8583/23MB/HĐTD/KUNN01 ngày 31/5/2023 theo đó: số tiền vay là 1.200.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/5/2024), lãi suất vay trong hạn 16%/năm trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bên nhận nợ được H6 giải ngân tiền vay, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần, hoặc theo quy định/quyết định của H6 và theo phương thức Lãi suất vay trong hạn của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất LS13 +5%/năm nhưng không thấp hơn Lãi suất cho vay tối thiểu được H6 quy định tại thời điểm điều chỉnh lãi suất hoặc theo quy định/quyết định của H6 tại thời điểm điều chỉnh. Trong đó Lãi suất LS13 là lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường của khách hàng cá nhân, loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn gửi 13 tháng trả lãi cuối kỳ loại 1 do H6 công bố hoặc niêm yết còn hiệu lực áp dụng tại thời điểm xác định lãi suất (nếu không có kỳ hạn gửi 13 tháng thì sẽ tính lãi suất tiền gửi có kỳ hạn ngắn hơn với tính chất tương tự, liền kề với kỳ hạn 13 tháng), ngoài ra H6 còn quy định khác về tính lãi suất đã được thể hiện trong khế ước nhận nợ.

Tài sản bảo đảm: Ngân hàng và anh T2, chị H3 ký hợp đồng thế chấp số 8583/23MB/HĐTC ngày 30/5/2023 đối với thửa đất số 522, tờ bản đồ số 05, diện tích 196m² tọa lạc tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số DB911627, số vào sổ cấp GCN: CH05193 do UBND thành phố C cấp ngày 19/04/2021 mang tên ông Đào Bá T2, và anh T2, chị H3 đã nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T2 cho Ngân hàng, nên hiện nay Ngân hàng đang là người giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T2.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T2, chị H3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho H6, tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 1.366.156.395 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 117.593.595 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.464.207 đồng, lãi chậm trả: 6.098.593 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng H6 khởi kiện buộc anh T2, chị H3 phải trả số nợ trên và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong nợ; Kể từ ngày bản án có hiệu lực mà anh T2, bà H3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì H6 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 05, diện tích 196m² tọa lạc tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số DB911627, số vào sổ cấp GCN: CH05193 do UBND thành phố C cấp ngày 19/04/2021 mang tên anh Đào Bá Trọng. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 8583/23MB/HĐBĐ ngày 30/5/2023 tại Văn phòng C, thành phố H.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T2, bà H3 đối với H6, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì ông T2, bà H3 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho H6 bằng nguồn thu và các tài sản hợp pháp khác.

Quá trình Toà án giải quyết, Ngân hàng và anh T2 có liên lạc với nhau, Ngân

hàng đã thông báo số tiền anh T2 còn nợ ngân hàng thì anh T2 đồng ý và hứa sẽ thanh toán toàn bộ khoản vay cho ngân hàng, nhưng anh T2 không đến Toà án hay ngân hàng H6 để làm việc.

- *Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh T2, chị H3 làm việc nhưng anh T2, chị H3 đều vắng mặt.*

Toà án đã tiến hành làm việc với mẹ kế của anh T2 là bà Trần Thị Q trình bày: Anh T2, chị H3 là con trai lớn trong gia đình, đã ra ở riêng tại K, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vợ chồng anh T2, chị H3 ở riêng nên gia đình không lắm được anh chị làm ăn thế nào, vay nợ những đâu. Mảnh đất mà anh T2, chị H3 thế chấp ngân hàng là thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7 tại K, phường V, thành phố C là mảnh đất trống, chưa xây dựng gì trên đất, chỉ trồng cây, thuộc quyền sử dụng của anh T2, chị H3. Hiện nay, vợ chồng anh T2, chị H3 không có nhà mà đã vào sinh sống, làm ăn tại Thanh Hoá – là quê của chị H3, còn địa chỉ cụ thể như thế nào thì gia đình không nhớ rõ. Bà nhận 01 thông báo về việc thụ lý, giấy triệu tập, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh T2, chị H3 biết và giao tận tay cho anh T2, chị H3.

Tại biên bản xác minh tại KDC Tường, phường V cung cấp: Anh T2, chị H3 là công dân cư trú tại KDC Tường, phường V có nhà riêng tại K, phường V. Hiện nay, anh T2, chị H3 không có mặt tại địa phương. Theo nguồn tin do gia đình cung cấp thì hiện nay anh T2, chị H3 đang đi làm ăn tại Thanh Hoá (là quê của chị H3) và gửi con lớn lại, nhờ bố mẹ chăm giúp.

Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với 522, tờ bản đồ số 05, diện tích 196m² tọa lạc tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số DB911627, số vào sổ cấp GCN: CH05193 do UBND thành phố C cấp ngày 19/04/2021 mang tên ông Đào Bá T2, cụ thể: Diện tích hiện trạng sử dụng là 192,7m², có cạnh phía bắc giáp đất ông V có kích thước là 27,39m, cạnh phía nam giáp đất ông M có kích thước là 27,6m, cạnh phía đông giáp đường có kích thước 7m, cạnh phía tây giáp đất ông V có kích thước 7m.

Tại biên bản xác minh với UBND phường V thể hiện: Anh T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7, diện tích 196m². Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích hiện trạng là 192,7m², giảm 3,3m², lý do giảm do hiến đất làm đường. Tính đến thời điểm xác minh, UBND phường không nhận được bất kỳ đơn tranh chấp liên quan đến thửa đất này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi phạt chậm trả là 7.149.254đ và phần lãi quá hạn là 22.395.616đ. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử là 12/9/2024 là 1.391.929.698đ, trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 162.384.827đ, kể từ ngày 12/9/2024 bị đơn phải chịu lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong nợ. Nếu anh T2, chị H3 không thanh toán tiền cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 05, diện tích hiện trạng sử dụng là 192.7m² tọa lạc tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số DB911627, sổ vào sổ cấp GCN: CH05193 do UBND thành phố C cấp ngày 19/04/2021 mang tên anh Đào Bá Trọng. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 8583/23MB/HĐBĐ ngày 30/5/2023 tại Văn phòng C, thành phố H. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh T2, chị H3 đối với H6, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì anh T2, chị H3 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho H6 bằng nguồn thu và các tài sản hợp pháp khác.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn

chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 351, 466, 320, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H6).

Buộc anh Đào Bá T2, chị Trịnh Thị H2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H6) số tiền theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 8583/23MB/HĐTD, Khế ước nhận nợ 8583/23MB/HĐTD/KUNN01 ngày 31/05/2023 tính đến ngày 11/9/2024 là 1.362.384.827đ, trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 162.384.827đ,

Kể từ ngày ngày xét xử sơ thẩm vụ án, anh T2, chị H2 phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh T2, chị H2 không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H6) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số DB911627, số vào sổ cấp GCN: CH05193 do UBND thành phố C cấp ngày 19/04/2021 mang tên anh Đào Bá Trọng, diện tích hiện trạng sử dụng là 192.7m², theo hợp đồng thế chấp số 8583/23MB/HĐTC ngày 30/5/2023.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết

khoản nợ thì anh T2, chị H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho H6 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2024 là 22.395.616đ, lãi phạt: 7.149.254đ.

Về án phí: Anh Đào Bá T2 và chị Trịnh Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H - Chi nhánh H5 ký kết với anh T2, chị H2 có hộ khẩu thường trú tại KDC T - V - C - Hải Dương, quá trình giải quyết vụ án anh T2 chị H2 vắng mặt, không cung cấp địa chỉ mới, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng số 8583/23MB/HĐTD và Hợp đồng thế chấp số 8583/23MB/HĐTC cùng ngày 30/5/2023 giữa Ngân hàng H6 với anh T2, chị H2 có chủ thể, nội dung, hình thức phù hợp quy định của Điều 463, Điều 317 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng cũng như các quy định của Ngân hàng N, nên có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[3] Sau khi ký kết hợp đồng, phía nguyên đơn đã giải ngân cho anh T2, chị H2 số tiền 1.200.000.000đ thể hiện tại Khế ước nhận nợ 8583/23MB/HĐTD/KUNN01 ngày 31/05/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T2, chị H2 đã thanh toán tiền lãi thể hiện qua bảng kê tính lãi do nguyên đơn giao nộp. Quá trình thực hiện hợp đồng, ban đầu vợ chồng anh T2, chị H2 đều trả lãi đúng hạn vào tháng 6,7/2023, sau đó vợ chồng anh T2, chị H2 không trả lãi đúng hạn cụ thể lãi tháng 8/2023 anh chị không trả đúng hạn mà đến tháng 10/2023 anh T2, chị H2 mới trả đủ lãi tháng 8/2023. Đến lãi tháng 9/2023, vợ chồng anh T2 chị H2 mới trả lãi được 45.000đ, kể từ đó vợ chồng anh T2, chị H2 không trả lãi cho ngân hàng nữa. Mức lãi suất tính từ ngày 20/9-30/11/2023 là 16%/năm; từ ngày 30/11/2023-29/02/2024 là 13,6%/năm; từ ngày 29/02/2024-31/5/2024 là 13,1%/năm. Khi đến hạn trả gốc vào ngày 31/5/2024, vợ chồng anh T2, chị H2 cũng không thanh toán gốc, lãi. Như vậy, việc anh T2, chị H2 không thực hiện đúng hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình Toà án giải quyết vụ án, anh T2, chị H2 đều vắng mặt, gia đình anh T2 không xác định được địa chỉ hiện nay của anh T2, chị H2 và anh T2, chị H2 không thông báo địa chỉ hiện nay cho Ngân hàng hay Toà án biết nên Toà án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H6) buộc anh Đào Bá T2, chị Trịnh Thị H2 phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi cho nguyên đơn tính đến ngày 11/9/2024 là 1.362.384.827đ, trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 162.384.827đ, theo quy định các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày xét xử 12/9/2024 cho đến khi anh T2, chị H2 thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ thì HĐXX xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng là đúng với thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tài sản thế chấp: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi tài sản là có căn cứ. Nguyên đơn đề nghị Toà án xác định tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số DB911627,

số vào sổ cấp GCN: CH05193 do UBND thành phố C cấp ngày 19/04/2021 mang tên anh Đào Bá Trọng, diện tích hiện trạng sử dụng là 192.7m², là phù hợp. Do đó, trường hợp anh T2, chị H2 không thanh toán nợ thì H6 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp trên. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T2, chị H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho H6 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong.

[6] Tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền lãi quá hạn là 22.395.616đ và lãi phạt là 7.149.254đ nên HĐXX đình chỉ giải quyết đối với khoản tiền này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H6) được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh T2, chị H2 buộc phải trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000đ, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Áp dụng các Điều 351, 466, 320, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H6).

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2024 là 22.395.616đ, lãi phạt: 7.149.254đ.

Buộc anh Đào Bá T2, chị Trịnh Thị H2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H6) số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 8583/23MB/HĐTD, Khế ước nhận nợ 8583/23MB/HĐTD/KUNN01 ngày 31/05/2023 tính đến ngày 11/9/2024 là 1.362.384.827đ, trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 162.384.827đ.

Kể từ ngày 12/9/2024, anh T2, chị H2 phải chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh T2, chị H2 không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H6) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số DB911627, số vào sổ cấp GCN: CH05193 do UBND thành phố C cấp ngày 19/04/2021 mang tên anh Đào Bá Trọng, diện tích hiện trạng sử dụng là 192.7m², theo hợp đồng thế chấp số 8583/23MB/HĐTC ngày 30/5/2023.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T2, chị H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho H6 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong. Nếu số tiền thu được còn thừa thì phải trả lại cho anh T2, chị H2 hoặc phải được gửi tại ngân hàng Nhà nước theo lãi suất không kỳ hạn.

Về án phí: Anh Đào Bá T2 và chị Trịnh Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.871.544đ (*Năm mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng*).

Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H6) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.375.000 (*Hai mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0003927 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Luyện